TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc T1 – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 78/2022/HNGĐ-ST Ngày 30 - 8 - 2022 V/v: Ly hôn giữa chị T và anh T1	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Thu Hương

Bà Phạm Hồng Minh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thu Huyền, kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2022 về việc " ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Xóm Cát Thành, xã Hồng Quang, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn T1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Xóm Cát Thành, xã Hồng Quang, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T1 kết hôn tự nguyện, đăng ký tại trụ sở UBND xã Hồng Quang, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 14/9/2002. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn cách đây khoảng 06 năm. Nguyên nhân là anh T1 không chung thủy, đã nhiều lần khuyên can nhưng không có kết quả. Trong cuộc sống giữa chị và anh T1 luôn bất hòa. Chị và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được, đề nghị xin được ly hôn anh T1 .

Về con chung chưa thành niên: Chị và anh T1 có 03 con chung là Phan Nhật Như H, sinh ngày 01/7/2003, cháu Phan Thế T, sinh ngày 25/9/2005 và cháu Phan Thế T, sinh ngày 11/7/2012. Sau ly hôn chị đề nghị cháu H đã đủ 18 tuổi nên

không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Đối với 02 con chung là cháu Phan Thế T, sinh ngày 25/9/2005 và cháu Phan Thế T, sinh ngày 11/7/2012, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị, mỗi tháng mỗi con là 1.500.000đ.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Phan Văn T1 trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T nghi ngờ anh không chung thủy. Mâu thuẫn phát sinh căng thẳng từ năm 2021 và vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý vì tình cảm giữa anh và chị T vẫn còn có thể đoàn tụ được.

Về con chung chưa thành niên: Anh và chị T có 03 con chung như chị T trình bày là đúng. Cháu H đã đủ 18 tuổi, anh không có đề nghị gì về việc nuôi dưỡng. Đối với cháu Thái và cháu T anh xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng hoặc theo nguyện vọng của các con chung cháu ở với chị T hay ở với anh. Anh không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố Tụng Dân sự, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị:

Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Phan Văn T1.

Về con chung: Giao con chung cháu Phan Thế T, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2012 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Phan Thế Thái, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2005 cho anh T1 nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T1, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí:: Chị Phan Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh T1 .

[2]Về hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Phan Văn T1 kết hôn, đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Hồng Quang, huyện T, tỉnh Nam Định vào tháng 9/2002 là hôn nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và phát sinh mâu thuẫn đã nhiều năm nay. Nguyên nhân là do chị T nghi ngờ anh T1 không chung thủy, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2021cho đến nay, điều đó thể hiện tình cảm giữa chị T và anh T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]Về con chung chưa thành niên: Chị T và anh T1 có 03 con chung là Phan Nhật Như H, sinh ngày 01/7/2003, cháu Phan Thế Th, sinh ngày 25/9/2005 và cháu Phan Thế T, sinh ngày 11/7/2012. Cháu H đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với 02 cháu Th và cháu T, hiện nay đang do chị T nuôi dưỡng, anh T1 đi làm ăn xa thường xuyên vắng nhà và để việc chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi của con chung nên tiếp tục giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng. Anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng, mỗi con là 1.500.000đ như yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định của Điều 81, 82 Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82 Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Phan Văn T1 .

2.Về con chung chưa thành niên: Giao chị Phan Thị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phan Thế Th, sinh ngày 25/9/2005 và cháu Phan Thế T, sinh ngày 11/7/2012. Anh Phan Văn T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phan Thị T mỗi con, mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 8/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Phan Văn T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3.Về án phí : Chị Phan Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0004643 ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh

Nam Định. Anh Phan Văn T1 phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị T và anh Phan Văn T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã Q;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thịnh